

Bản án số: 151/2022/DS-ST
Ngày: 18/8/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Bảy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Hoàng
2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị My Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2022/TLST- DS ngày 03/3/2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-DS ngày 22/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T.

Trụ sở: 266-268 đường NKKN, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Gia L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Lầu 8 số 266-268 đường NKKN, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số 796/2021/UQ-TTT ngày 29/10/2021)

(Đương sự có mặt.)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Trương Kim H, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Căn hộ D02.3 chung cư AP - số 959-961-965 HG, Phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 29/10/2021, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP T (viết tắt là S) có ông Lâm Gia L đại diện trình bày:

Ngày 05/6/2017 và ngày 19/6/2018, Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Tân Phú nay là Chi nhánh Bình Tân và bà Nguyễn Trương Kim H có ký các Hợp đồng tín dụng, mục đích vay: tiêu dùng, như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số LD1715600798 ngày 05/6/2017 theo 02 giấy nhận nợ LD1715700130 ngày 06/6/2017 số tiền 100.000.000 đồng và dư nợ là 21.648.000 đồng và LD1715700147 số tiền 100.000.000 đồng và dư nợ 21.648.000 đồng ; tổng dư nợ của Hợp đồng là 43.296.000 đồng, nợ lãi là 8.802.782 đồng, lãi quá hạn là 17.454.452 đồng, lãi phạt quá hạn là 1.723.452 đồng;

Lãi suất 7.2%/năm, áp dụng cho 03 tháng đầu của lần giải ngân đầu tiên, từ tháng thứ 4 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng bằng mức lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 12 tháng lãi cuối kỳ của S tại thời điểm điều chỉnh + (cộng) biên độ 0,4%/năm và được S quyết định điều chỉnh theo định kỳ mỗi 03 tháng một lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

+ Hợp đồng tín dụng số LD1817000724 ngày 19/6/2018 theo giấy nhận nợ cùng ngày LD1817000724 số tiền vay 250.000.000 đồng, dư nợ số tiền 126.513.012 đồng; nợ lãi là 28.711.382 đồng, lãi quá hạn là 4.693.141 đồng, lãi phạt quá hạn là 2.920.891 đồng

Lãi suất 6,87%/năm, áp dụng cho 03 tháng đầu của lần giải ngân đầu tiên, từ tháng thứ 4 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng bằng mức lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 12 tháng lãi cuối kỳ của S tại thời điểm điều chỉnh + (cộng) biên độ 0,3%/năm và được S quyết định điều chỉnh theo định kỳ mỗi 03 tháng một lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Kể từ ngày nhận nợ đến nay bà H đã thanh toán cho ngân hàng tiền gốc là 292.190.988 đồng, dư nợ vay là 157.809.012 đồng. Thời gian qua bà H chậm thanh toán, Ngân hàng đã thực hiện thông báo chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn và ra thông báo thu hồi nợ đối với toàn bộ nợ chưa thanh toán của bà H tại S.

Tính đến ngày 18/8/2022, bà Nguyễn Trương Kim H còn nợ Ngân hàng TMCP T các khoản sau:

+ Hợp đồng tín dụng số LD1715600798 ngày 05/6/2017 dư nợ là 43.296.000 đồng, nợ lãi là 8.802.782 đồng, lãi quá hạn là 19.402.431 đồng, lãi phạt quá hạn là 1.961.723 đồng; Tổng tiền vốn và lãi là 73.573.417 đồng

+Hợp đồng tín dụng số LD1817000724 ngày 19/6/2018 dư nợ số tiền 114.513.012 đồng; nợ lãi là 34.067.328 đồng, lãi quá hạn là 13.763.468 đồng, lãi phạt quá hạn là 5.405.9640 đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 167.749.448 đồng

Tổng số dư nợ từ 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 18/8/2022 là 241.212.383 đồng; trong đó:

- Vốn gốc: 157.809.012 đồng; Nợ lãi trong hạn là 42.870.109 đồng; Nợ lãi quá hạn là 33.165.899 đồng; Nợ lãi phạt quá hạn là 7.367.363 đồng.

Ngân hàng TMCP T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Trương Kim H thanh toán số tiền nợ gốc nêu trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Trương Kim H: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tòa để làm Bản tự khai, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tuy nhiên bị đơn bà Nguyễn Trương Kim H gửi Bản tự khai ngày 28/6/2022 và đơn xin vắng mặt như sau:

Bà H thừa nhận có vay tại Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Bình Tân theo Hợp đồng tín dụng số LD1715600798 ngày 05/6/2017, số tiền vay: 200.000.000 đồng, lãi suất vay: 7,2%/năm, thời hạn vay: 48 tháng, trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả 2.084.000 đồng. Hợp đồng tín dụng số LD1817000724 ngày 19/6/2018, số tiền vay: 250.000.000 đồng, lãi suất vay: 6,87%/năm, thời hạn vay: 60 tháng, trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả 4.167.000 đồng.

Do điều kiện kinh tế khó khăn, sức khỏe giảm sút nên bà H thanh toán khoản vay không đầy đủ cho Ngân hàng. Bà H đề nghị Ngân hàng cho bà tiếp tục trả góp hàng tháng cho đến khi dứt nợ.

Bà Nguyễn Trương Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Cần buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP T thì đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng do bị đơn cư trú tại Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo qui định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét bị đơn bà Nguyễn Trương Kim H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét Hợp đồng tín dụng số LD1715600798 ngày 05/6/2017 theo 02 giấy nhận nợ LD1715700130 ngày 06/6/2017 số tiền 100.000.000 đồng và dư nợ là 21.648.000 đồng và LD1715700147 số tiền 100.000.000 đồng và dư nợ 21.648.000 đồng ; tổng dư nợ của Hợp đồng là 43.296.000 đồng, nợ lãi là 8.802.782 đồng, lãi quá hạn là 17.454.452 đồng, lãi phạt quá hạn là 1.723.452 đồng; Lãi suất 7.2%/năm, áp dụng cho 03 tháng đầu của lần giải ngân đầu tiên, từ tháng thứ 4 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng bằng mức lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 12 tháng lãi cuối kỳ của S tại thời điểm điều chỉnh + (cộng) biên độ 0,4%/năm và được S quyết định điều chỉnh theo định kỳ mỗi 03 tháng một lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

+ Hợp đồng tín dụng số LD1817000724 ngày 19/6/2018 theo giấy nhận nợ cùng ngày LD1817000724 số tiền vay 250.000.000 đồng, dư nợ số tiền 126.513.012 đồng; nợ lãi là 28.711.382 đồng, lãi quá hạn là 4.693.141 đồng, lãi phạt quá hạn là 2.920.891 đồng; Lãi suất 6,87%/năm, áp dụng cho 03 tháng đầu của lần giải ngân đầu tiên, từ tháng thứ 4 trở đi kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng bằng mức lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 12 tháng lãi cuối kỳ của S tại thời điểm điều chỉnh + (cộng) biên độ 0,3%/năm và được S quyết định điều chỉnh theo định kỳ mỗi 03 tháng một lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Ngân hàng TMCP T thông báo chuyển số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn cho bà H theo quy định. Các tình tiết trên đây đã được Tòa án thông báo đến bị đơn và bà H đã có ý kiến phản hồi theo Bản tự khai ngày 28/6/2022, bà H thừa nhận có vay tại Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Bình Tân theo Hợp đồng tín dụng số LD1715600798 ngày 05/6/2017, số tiền vay: 200.000.000 đồng, lãi suất vay: 7,2%/năm, thời hạn vay: 48 tháng, trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả 2.084.000 đồng. Hợp đồng tín dụng số LD1817000724 ngày 19/6/2018, số tiền vay: 250.000.000 đồng, lãi suất vay: 6,87%/năm, thời hạn vay: 60 tháng, trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả 4.167.000 đồng, bà H còn nợ vốn gốc khoảng 162.000.000 đồng (chưa bao gồm lãi, lãi phạt).

Do điều kiện kinh tế khó khăn, sức khỏe giảm sút nên bà H thanh toán khoản vay không đầy đủ cho Ngân hàng. Bà H đề nghị Ngân hàng cho bà tiếp tục trả góp hàng tháng cho đến khi dứt nợ.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng bà H đã nhiều lần không đóng tiền lãi, phí và trả nợ gốc cho Ngân hàng TMCP T là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi và phí phát sinh tính đến ngày 18/8/2022 cho Ngân hàng TMCP T, cụ thể như sau: Tổng số dư nợ từ 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 18/8/2022 là 241.212.383 đồng; trong đó: Vốn gốc: 157.809.012 đồng; Nợ lãi trong hạn là 42.870.109 đồng; Nợ lãi quá hạn là 33.165.899 đồng; Nợ lãi phạt quá hạn là 7.367.363 đồng và số tiền lãi quá hạn được tính tiếp cho bà H từ ngày 19/8/2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP T theo mức lãi suất nợ quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Từ những nhận định nêu, Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

3. Căn cứ án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì:

Đối với các khoản tiền vay của Tổ chức ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên

cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán xong. Nên bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Trương Kim H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm a điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Luật phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T

Buộc bà Nguyễn Trương Kim H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số tiền nợ phát sinh từ

+ Hợp đồng tín dụng số LD1715600798 ngày 05/6/2017 dư nợ là 43.296.000 đồng, nợ lãi là 8.802.782 đồng, lãi quá hạn là 19.402.431 đồng, lãi phạt quá hạn là 1.961.723 đồng; Tổng tiền vốn và lãi là 73.573.417 đồng

+ Hợp đồng tín dụng số LD1817000724 ngày 19/6/2018 dư nợ số tiền 114.513.012 đồng; nợ lãi là 34.067.328 đồng, lãi quá hạn là 13.763.468 đồng, lãi phạt quá hạn là 5.405.964 đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 167.749.448 đồng

Tổng số dư nợ từ 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 18/8/2022 là 241.212.383 đồng; trong đó:

+ Vốn gốc: 157.809.012 đồng, Nợ lãi trong hạn là 42.870.109 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn là 33.165.899 đồng; Nợ lãi phạt quá hạn là 7.367.363 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán làm một lần ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong Hợp đồng

tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án

3. Về án phí: Bà Nguyễn Trương Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.060.619 (Mười hai triệu, không trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm mười chín) đồng.

- Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.723.872 đồng theo biên lai thu tiền số 0011900 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Trương Kim H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Bảy